

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY KỸ NĂNG VIẾT VÀ HƯỚNG DẪN VIẾT KHOÁ LUẬN BẰNG TIẾNG TRUNG CHO SINH VIÊN TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI NGUYỄN THỊ THU TRANG*

TÓM TẮT: Bài viết tập trung phân tích thực trạng và đề xuất các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy kỹ năng viết và hướng dẫn viết khoá luận tốt nghiệp bằng tiếng Trung cho sinh viên chuyên ngành Tiếng Trung Thương mại tại Trường Đại học Thương mại. Trên cơ sở lý luận về vai trò của CNTT trong giáo dục ngoại ngữ và đặc thù của kỹ năng viết học thuật, thương mại, bài viết khảo sát thực trạng sử dụng CNTT của giảng viên và sinh viên, chỉ ra những thuận lợi, khó khăn trong quá trình sử dụng. Kết quả khảo sát cho thấy việc ứng dụng CNTT còn chưa đồng bộ và chưa phát huy hết tiềm năng. Từ đó, bài viết đề xuất các giải pháp cụ thể về cơ sở vật chất, đào tạo giảng viên, phát triển học liệu số, và xây dựng mô hình ứng dụng CNTT phù hợp nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy kỹ năng viết và hướng dẫn khoá luận tốt nghiệp (KLTN) đại học bằng tiếng Trung cho sinh viên chuyên ngành tiếng Trung thương mại tại Trường Đại học Thương mại, đồng thời góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực tiếng Trung đáp ứng yêu cầu hội nhập.

TỪ KHÓA: công nghệ thông tin; kỹ năng viết tiếng Trung; khoá luận tốt nghiệp; tiếng Trung thương mại; giảng dạy ngoại ngữ.

NHẬN BÀI: 26/04/2025.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 21/05/2025

1. Mở đầu

Trong kỷ nguyên toàn cầu hóa, việc sử dụng tiếng Trung Quốc (tiếng Trung), đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế thương mại, đã trở thành một lợi thế cạnh tranh quan trọng trên thị trường lao động Việt Nam và quốc tế. Theo Chung & Li (2017), sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế Trung Quốc và quan hệ thương mại quốc tế đã thúc đẩy nhu cầu nhân lực sử dụng tiếng Trung, đặc biệt là trong các ngành nghề có yêu cầu cao về giao tiếp thương mại và văn hóa. Chương trình đào tạo cử nhân ngành ngôn ngữ Trung Quốc, chuyên ngành tiếng Trung thương mại, không chỉ yêu cầu sinh viên nắm vững kiến thức ngôn ngữ và văn hóa, mà còn phải thành thạo các kỹ năng giao tiếp chuyên ngành, bao gồm viết học thuật và viết chuyên ngành (biên bản, báo cáo, thư tín thương mại, hợp đồng, đề xuất dự án, khoá luận tốt nghiệp...).

Kết thúc quá trình đào tạo, sinh viên phải hoàn thành khoá luận tốt nghiệp (KLTN). Tuy nhiên, thực tế giảng dạy kỹ năng viết và hướng dẫn KLTN tiếng Trung thương mại hiện nay đang đối mặt với không ít thách thức. Giảng viên phải xử lý khối lượng lớn bài viết, đưa ra phản hồi chi tiết và theo dõi tiến độ của nhiều sinh viên cùng lúc. Sinh viên thường gặp khó khăn trong việc tìm kiếm tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Trung, diễn đạt ý tưởng học thuật, tránh lỗi đạo văn và quản lý thời gian hiệu quả (Zhang, 2015).

Phương pháp giảng dạy truyền thống, chủ yếu dựa vào tương tác trực tiếp và các buổi gặp mặt cố vấn, có thể chưa đủ linh hoạt và hiệu quả để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sinh viên. Công nghệ thông tin (CNTT) và trí tuệ nhân tạo (AI) trong giáo dục là những giải pháp tiên tiến giúp cải thiện và tối ưu hóa quá trình giảng dạy và học tập. Theo Baker (2018), AI có thể giúp tạo ra môi trường học tập tương tác, cá nhân hóa và hiệu quả hơn, hỗ trợ giảng viên trong việc quản lý tài liệu, luyện viết, kiểm tra ngữ pháp, và quản lý tiến độ bài tập và KLTN.

*TS; Trường Đại học Thương mại; Email: trang.ntt@tmu.edu.vn

Xuất phát từ thực tiễn đó, bài viết đã hệ thống hóa cơ sở lý luận về ứng dụng CNTT trong giảng dạy kỹ năng viết ngoại ngữ và hướng dẫn viết khóa luận; khảo sát, phân tích thực trạng ứng dụng CNTT trong hoạt động giảng dạy kỹ năng viết và hướng dẫn viết KLTN tiếng Trung cho sinh viên chuyên ngành tiếng Trung thương mại tại Trường Đại học Thương mại Hà Nội; đánh giá hiệu quả, chỉ ra những khó khăn, thách thức và đề xuất mô hình ứng dụng CNTT tích hợp nhằm tối ưu hóa quá trình này. Mục tiêu của nghiên cứu là góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực tiếng Trung, đáp ứng yêu cầu của xã hội trong bối cảnh mới.

2. Cơ sở lý luận

2.1. Lý thuyết về giảng dạy kỹ năng viết ngôn ngữ thứ hai (L2 Writing)

Việc dạy viết L2 (ngôn ngữ thứ hai) đã trải qua nhiều cách tiếp cận khác nhau, từ tập trung vào sản phẩm (product-oriented) đến tập trung vào quá trình (process-oriented) và gần đây là cách tiếp cận dựa trên thể loại (genre-based approach) và viết vì mục đích chuyên biệt (Writing for Specific Purposes-WSP), tương tự ESP (English for Specific Purposes) trong tiếng Anh. Theo Hyland (2007), cách tiếp cận genre-based đã trở thành một xu hướng mạnh mẽ trong giảng dạy viết, khi chú trọng vào các đặc điểm ngôn ngữ và cấu trúc của từng thể loại văn bản cụ thể, từ đó giúp sinh viên hiểu rõ hơn về mục đích và phong cách viết trong các lĩnh vực chuyên môn.

Tiếp cận quá trình (Process-oriented approach): nhấn mạnh các giai đoạn của việc viết như lập dàn ý, viết nháp, sửa chữa và biên tập. Việc giảng dạy theo phương pháp này tập trung vào sự phát triển của kỹ năng viết thông qua các bước liên tục và có sự tương tác phản hồi. Raimes (1983) khẳng định rằng, việc chú trọng đến quá trình viết giúp sinh viên nâng cao khả năng tự điều chỉnh và cải thiện chất lượng bài viết của mình. Công nghệ thông tin (CNTT) đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ từng giai đoạn này, ví dụ, các công cụ mind-mapping, word processors, và collaborative platforms giúp sinh viên dễ dàng tạo dàn ý, viết nháp và nhận phản hồi kịp thời từ giảng viên hoặc bạn bè (Higgins et al., 2002).

Tiếp cận thể loại (Genre-based approach): chú trọng vào việc phân tích và thực hành các đặc điểm ngôn ngữ, cấu trúc của từng thể loại văn bản, như thư tín thương mại, báo cáo, hợp đồng, và các văn bản chuyên ngành khác. Swales (1990) chỉ ra rằng, tiếp cận thể loại giúp người học hiểu được các quy tắc và đặc trưng của mỗi thể loại, từ đó nâng cao khả năng giao tiếp chuyên nghiệp trong môi trường công việc. Kho ngữ liệu điện tử (corpora) và mẫu văn bản trực tuyến là nguồn tài nguyên quý giá mà CNTT mang lại, giúp sinh viên tiếp cận với các ví dụ thực tế và phân tích các đặc điểm ngôn ngữ của thể loại văn bản.

Viết tiếng Trung chuyên ngành (Specific Chinese Writing): yêu cầu sự kết hợp giữa năng lực ngôn ngữ chuẩn xác, kiến thức chuyên ngành thương mại và hiểu biết về văn hóa kinh doanh Trung Quốc. Chen (2014) khẳng định rằng, việc viết trong bối cảnh thương mại đòi hỏi sinh viên không chỉ thông thạo ngôn ngữ mà còn phải hiểu các tình huống giao tiếp và quy tắc kinh doanh của Trung Quốc. CNTT cung cấp khả năng tiếp cận các nguồn tài liệu, tình huống thực tế và công cụ dịch thuật, giúp sinh viên nắm bắt kịp thời các thông tin chuyên ngành và cập nhật những xu hướng mới nhất trong lĩnh vực này.

2.2. Vai trò của công nghệ thông tin trong giáo dục đại học (Higher Education)

CNTT đã thay đổi căn bản cách thức dạy và học ở bậc đại học:

Hệ thống quản lý học tập (LMS - Learning Management System): Nền tảng như Moodle, Canvas, Blackboard... cho phép quản lý khóa học, đăng tải tài liệu, giao bài tập, chấm điểm, thảo luận online.

Tài nguyên học liệu mở (OER - Open Educational Resources): Kho tài liệu học tập khổng lồ, đa dạng, dễ dàng truy cập.

Công cụ cộng tác trực tuyến: Google Workspace, Microsoft Teams, Padlet... thúc đẩy học tập hợp tác, làm việc nhóm hiệu quả.

Công cụ kiểm tra đạo văn: Turnitin, PlagScan... giúp đảm bảo tính liêm chính học thuật.

Thư viện số và cơ sở dữ liệu trực tuyến: Cung cấp quyền truy cập vào nguồn tài liệu nghiên cứu phong phú (sách, bài báo khoa học...). Đặc biệt quan trọng là các CSDL tiếng Trung như CNKI, Wanfang Data.

Trí tuệ nhân tạo (AI) trong giáo dục: Các công cụ AI (như Grammarly, các chatbot hỗ trợ học ngôn ngữ, thậm chí các mô hình ngôn ngữ lớn như GPT-4 với *sự kiểm soát*) có thể hỗ trợ kiểm tra ngữ pháp, đề xuất từ vựng, cấu trúc câu, cung cấp phản hồi sơ bộ, hỗ trợ brainstorming (lưu ý: Cần nhấn mạnh vai trò hỗ trợ, không thay thế tư duy và sự sáng tạo của sinh viên).

2.3. Ứng dụng CNTT trong hướng dẫn viết khoá luận tốt nghiệp

Đối với việc viết Khóa luận tốt nghiệp (KLTN), CNTT có thể hỗ trợ giảng viên và sinh viên một số vấn đề sau:

Quản lý tiến độ: Sử dụng các công cụ quản lý dự án (Trello, Asana) hoặc tính năng của LMS.

Tìm kiếm và quản lý tài liệu: Sử dụng các cơ sở dữ liệu trực tuyến (CNKI, Wanfang Data...), công cụ tìm kiếm học thuật (Google Scholar), phần mềm quản lý tài liệu tham khảo (EndNote, Zotero, Mendeley).

Trao đổi và nhận phản hồi: Sử dụng email, LMS, các nền tảng họp trực tuyến (Zoom, Google Meet) để trao đổi với giảng viên hướng dẫn; sử dụng tính năng nhận xét (comment), theo dõi thay đổi (track changes) trong Word/Google Docs để nhận phản hồi chi tiết.

Lập đề cương và viết bản thảo: Sử dụng phần mềm lập sơ đồ tư duy (mind mapping), bộ xử lý văn bản với các tính năng hỗ trợ định dạng, tạo mục lục tự động.

Kiểm tra đạo văn: Sử dụng các phần mềm chuyên dụng để đảm bảo tính nguyên gốc của công trình.

Định dạng và trình bày: Sử dụng các mẫu (template) có sẵn, công cụ định dạng để hoàn thiện khoá luận theo đúng quy chuẩn.

Quản lý tài liệu tham khảo: Sử dụng các phần mềm như Zotero, Mendeley, EndNote.

Nộp và lưu trữ: Nộp bản thảo qua LMS, lưu trữ KLTN trên kho lưu trữ số của trường.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Các bước tiến hành

Để đánh giá thực trạng ứng dụng CNTT trong giảng dạy kỹ năng viết và hướng dẫn viết khoá luận bằng tiếng Trung, chúng tôi đã tiến hành khảo sát bằng bảng hỏi đối với 255 sinh viên năm thứ 3, 4 chuyên ngành Tiếng Trung thương mại và 28 giảng viên tại Trường Đại học Thương mại (tháng 8-12/2024). Bài viết áp dụng phương pháp nghiên cứu hỗn hợp (mixed-methods), kết hợp định lượng và định tính để có cái nhìn toàn diện về vấn đề nghiên cứu.

Phương pháp định lượng: Khảo sát bằng bảng hỏi (questionnaire) được thiết kế trên Google Forms và gửi tới sinh viên năm thứ 3, thứ 4 và chuyên ngành Tiếng Trung Thương mại, và giảng viên đang giảng dạy tiếng Trung tại Trường Đại học Thương mại. Mục tiêu là thu thập dữ liệu về mức độ thường xuyên sử dụng các công cụ CNTT khác nhau; mục đích sử dụng CNTT (học kỹ năng viết, làm KLTN, giao tiếp với GV...); đánh giá của SV và GV về hiệu quả của các công cụ CNTT; những khó khăn, rào cản khi ứng dụng CNTT; nhu cầu và mong muốn về hỗ trợ CNTT.

Phương pháp định tính: Phỏng vấn bán cấu trúc được thực hiện với một nhóm nhỏ giảng viên (có kinh nghiệm và ít kinh nghiệm) và sinh viên (năm cuối, đang làm KLTN) để tìm hiểu sâu hơn về trải nghiệm, quan điểm, cách thức họ tích hợp (hoặc không tích hợp) CNTT.

Kết quả khảo sát được tổng hợp và phân tích như sau:

3.2. Kết quả

3.2.1. Thực trạng sử dụng CNTT trong giảng dạy kỹ năng viết và hướng dẫn viết khoá luận bằng tiếng Trung từ phía giảng viên

Trong bối cảnh giáo dục hiện đại, việc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong giảng dạy và quản lý học tập đã trở thành yếu tố then chốt nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng đào tạo. Để đánh giá mức độ tích hợp công nghệ trong hoạt động giảng dạy và hướng dẫn khoá luận tốt nghiệp của

giảng viên, bài viết đã tiến hành khảo sát thực trạng sử dụng CNTT trong giảng dạy kỹ năng viết và hướng dẫn viết khoá luận bằng tiếng Trung nhằm tìm hiểu tần suất sử dụng các công cụ CNTT phổ biến của đội ngũ giảng viên. Bảng 1 dưới đây trình bày kết quả khảo sát, thể hiện mức độ sử dụng các công cụ CNTT theo thang đo Likert 5 cấp độ, từ “rất thường xuyên” đến “không bao giờ”.

Bảng 1. Mức độ thường xuyên sử dụng các công cụ CNTT của giảng viên

5: rất thường xuyên; 4: thường xuyên; 3: thỉnh thoảng; 2: hiếm khi; 1: không bao giờ

Công cụ CNTT	Mức độ				
	5	4	3	2	1
Bộ xử lý văn bản (Word)	85%	15%	0%	0%	0%
Phần mềm trình chiếu (PowerPoint)	70%	25%	5%	0%	0%
Email/Zalo (Trao đổi công việc)	90%	10%	0%	0%	0%
Từ điển trực tuyến	60%	35%	5%	0%	0%
Hệ thống quản lý học tập (LMS)	15%	30%	40%	15%	0%
Công cụ kiểm tra ngữ pháp/chính tả tiếng Trung	10%	20%	45%	25%	0%
Công cụ kiểm tra đạo văn (Turnitin,...)	5%	15%	50%	30%	0%
Phần mềm/Nền tảng tạo bài tập tương tác	5%	10%	40%	45%	0%
Công cụ hợp tác trực tuyến (Google Docs,...)	10%	25%	40%	25%	0%

Nhận xét:

Mức độ sử dụng: Đa số giảng viên (trên 80%) sử dụng CNTT ở mức độ cơ bản như soạn giáo án bằng Word, trình chiếu bài giảng bằng PowerPoint, sử dụng email để trao đổi thông tin. Việc sử dụng các công cụ nâng cao hơn như LMS, phần mềm tạo bài tập tương tác, công cụ phản hồi trực tuyến còn hạn chế.

Các công cụ thường dùng: PowerPoint, Word, Zalo/Email (liên lạc), Google Search, từ điển trực tuyến. Một số ít sử dụng Google Classroom/Moodle, các phần mềm kiểm tra ngữ pháp tiếng Trung cơ bản.

Thuận lợi: CNTT giúp bài giảng sinh động hơn, tiết kiệm thời gian chuẩn bị một số tài liệu, dễ dàng chia sẻ thông tin.

Khó khăn: Thiếu thời gian tìm hiểu và ứng dụng công cụ mới, hạ tầng CNTT của nhà trường đôi khi chưa đáp ứng (đường truyền internet, phần mềm bản quyền), thiếu các khóa tập huấn chuyên sâu về ứng dụng CNTT trong giảng dạy tiếng Trung, lo ngại về việc sinh viên quá phụ thuộc vào công cụ dịch/ kiểm tra lỗi.

3.2.2. Thực trạng sử dụng CNTT trong việc học kỹ năng viết khoá luận bằng tiếng Trung từ phía sinh viên

Để đánh giá mức độ ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong quá trình học tập và viết học thuật, đặc biệt trong việc soạn thảo và hoàn thiện khoá luận, bài viết đã tiến hành khảo sát thực trạng sử dụng CNTT trong việc học kỹ năng viết khoá luận bằng tiếng Trung nhằm tìm hiểu tần suất sử dụng các công cụ CNTT phổ biến của sinh viên. Bảng 2 dưới đây tổng hợp kết quả khảo sát thể hiện mức độ sử dụng từ rất thường xuyên đến hiếm khi hoặc không sử dụng đối với từng loại công cụ.

Bảng 2. Mức độ sử dụng CNTT của sinh viên vào luyện tập kỹ năng viết

5: rất thường xuyên; 4: thường xuyên; 3: thỉnh thoảng; 2: hiếm khi; 1: không bao giờ

Hoạt động sử dụng CNTT	Mức độ				
	5	4	3	2	1
Soạn thảo văn bản (Word,...)	95%	5%	0%	0%	0%
Tra cứu từ điển trực tuyến	90%	10%	0%	0%	0%
Tìm kiếm thông tin/tài liệu trên mạng	85%	15%	0%	0%	0%

Sử dụng công cụ dịch (tham khảo)	50%	35%	10%	5%	0%
Sử dụng công cụ kiểm tra ngữ pháp/ chính tả	15%	30%	40%	15%	0%
Tham gia diễn đàn/nhóm học viết trực tuyến	20%	40%	30%	10%	0%
Sử dụng LMS của trường/ khoa	40%	45%	10%	5%	0%
Sử dụng phần mềm quản lý tài liệu tham khảo	5%	10%	35%	35%	15%
Sử dụng công cụ kiểm tra đạo văn	2%	8%	30%	40%	20%

Mức độ sử dụng: Sinh viên sử dụng CNTT rất thường xuyên cho việc học, chủ yếu là tìm kiếm thông tin, sử dụng từ điển, soạn thảo văn bản và liên lạc. Việc sử dụng các công cụ hỗ trợ viết chuyên sâu, quản lý tài liệu tham khảo, kiểm tra đạo văn còn hạn chế, đặc biệt trong quá trình làm khoá luận.

Các công cụ thường dùng: Google Search, Baidu, từ điển Pleco/HanDian, Google Translate (tham khảo), Word, PowerPoint, Zalo/WeChat, các trang mạng xã hội học tiếng Trung.

Thuận lợi: Dễ dàng tiếp cận nguồn tài liệu khổng lồ, tra cứu nhanh chóng, thuận tiện trong soạn thảo và chỉnh sửa văn bản, có thể học mọi lúc mọi nơi.

Khó khăn: Khó khăn trong việc chọn lọc thông tin đáng tin cậy, dễ bị xao nhãng, kỹ năng sử dụng các phần mềm chuyên dụng (quản lý trích dẫn, kiểm tra đạo văn) còn yếu, lạm dụng công cụ dịch gây ảnh hưởng đến khả năng tư duy và diễn đạt bằng ngôn ngữ đích, thiếu hướng dẫn cụ thể về cách sử dụng CNTT hiệu quả cho việc viết khoá luận.

3.2.3. Ứng dụng CNTT trong quy trình dạy viết và hướng dẫn viết khoá luận tốt nghiệp bằng tiếng Trung

Việc tích hợp công nghệ thông tin (CNTT) vào quy trình đào tạo không chỉ nâng cao hiệu quả học tập mà còn góp phần hình thành các kỹ năng học thuật chuyên sâu cho sinh viên. Đặc biệt, đối với hoạt động dạy viết và hướng dẫn hoàn thiện khoá luận tốt nghiệp bằng tiếng Trung, việc ứng dụng CNTT đã trở thành một yêu cầu tất yếu nhằm đảm bảo tính hệ thống, liên tục và chất lượng đầu ra. Bảng 3 dưới đây trình bày một cách có hệ thống các giai đoạn trong quy trình dạy viết và hướng dẫn viết khoá luận, với sự tích hợp đồng bộ các công cụ CNTT trong từng bước. Mỗi giai đoạn đều xác định rõ nội dung hoạt động trọng tâm, các công cụ hỗ trợ ứng dụng CNTT, vai trò của giảng viên, vai trò chủ động của sinh viên.

Bảng 3. Mô hình ứng dụng CNTT trong quy trình dạy viết và hướng dẫn viết khoá luận tốt nghiệp bằng tiếng Trung

Giai đoạn	Nội dung	Công cụ	Giảng viên	Sinh viên
1	Chuẩn bị & nhập thông tin, dữ liệu	Từ điển, ngân hàng thuật ngữ, văn bản	Giới thiệu chủ đề, cung cấp tài liệu qua LMS	Tìm kiếm thông tin qua CSDL, thư viện điện tử, công cụ tìm kiếm
2	Lập dàn ý & viết nháp	Kiểm tra chính tả, gợi ý từ/ cụm	Gợi ý template, cấu trúc	Mindmap tool, Word/Google Docs
3	Chỉnh sửa & Phản hồi	Kiểm tra đạo văn, phân tích văn bản	Track changes, comment, rubric	Peer-review: qua Google Docs, diễn đàn Nộp bản thảo toàn văn qua LMS/Email
4	Hoàn thiện khoá luận	App họp trực tuyến như: Zoom, Voov meeting...	Họp trực tuyến kiểm tra cuối cùng	Phần mềm quản lý trích dẫn Nộp bản cuối qua hệ thống

Bảng 3 minh họa mô hình đi theo hướng *Blended Learning* (kết hợp offline - online), tối ưu hóa sự hỗ trợ từ công nghệ cho cả bên giảng viên và sinh viên. Bộ cục mô hình gồm 4 giai đoạn đi từ nhập liệu → soạn thảo → chỉnh sửa → hoàn thiện, thể hiện vai trò song hành của Giảng viên và sinh viên đều chủ động trong từng giai đoạn, mỗi bên có công cụ hỗ trợ riêng biệt. Ứng dụng CNTT như Công nghệ (CSDL, Google Docs, Zoom...) được tích hợp xuyên suốt quy trình, không chỉ để truyền tải mà còn để cộng tác, phản hồi và quản lý chất lượng.

Ưu điểm nổi bật của mô hình trên là: *liên tục ứng dụng CNTT* xuyên suốt mọi khâu, không chỉ dừng ở thu thập tài liệu mà còn kiểm tra, phản hồi, hoàn thiện; *định hướng sinh viên tự chủ*, chủ động trong quá trình nghiên cứu và viết bài. Sử dụng *Peer-review (đánh giá chéo)* giúp sinh viên học cách phản biện xây dựng - một kỹ năng rất cần trong nghiên cứu chuyên sâu. *Giảm thiểu lỗi học thuật* nhờ tích hợp công cụ kiểm tra đạo văn và quản lý trích dẫn.

3.2.4. Phân tích đánh giá kết quả khảo sát

Từ kết quả khảo sát thực trạng sử dụng CNTT trong việc học kỹ năng viết khóa luận bằng tiếng Trung từ giảng viên và sinh viên, chúng tôi nhận thấy có những vấn đề nổi bật như sau:

Sự phổ biến của các công cụ cơ bản: Cả giảng viên và sinh viên đều đã quen thuộc và sử dụng thường xuyên các công cụ CNTT nền tảng như bộ xử lý văn bản, trình chiếu, công cụ tìm kiếm và liên lạc. Điều này tạo nền tảng thuận lợi cho việc triển khai các ứng dụng nâng cao hơn.

Khoảng cách trong việc sử dụng công cụ chuyên sâu: Tồn tại một khoảng cách đáng kể trong việc ứng dụng các công cụ chuyên biệt hỗ trợ viết và nghiên cứu như LMS, công cụ kiểm tra ngữ pháp/đạo văn, phần mềm quản lý trích dẫn. Giảng viên sử dụng các công cụ này với tần suất thấp, và sinh viên, đặc biệt là trong quá trình làm khóa luận, còn rất yếu về kỹ năng này (chỉ 15% sinh viên thường xuyên hoặc rất thường xuyên sử dụng phần mềm quản lý tài liệu tham khảo, 10% sử dụng công cụ kiểm tra đạo văn).

Tiềm năng chưa được khai thác: Các nền tảng LMS, công cụ hợp tác trực tuyến, diễn đàn học thuật có tiềm năng lớn trong việc tạo môi trường học tập tương tác, hỗ trợ phản hồi và học tập ngang hàng nhưng chưa được khai thác hiệu quả. Tỷ lệ sinh viên tham gia các diễn đàn/ nhóm học viết còn khiêm tốn.

Nhận thức về vai trò và thách thức: Giảng viên nhận thức được lợi ích của CNTT nhưng còn gặp rào cản về thời gian, kỹ năng và hạ tầng. Sinh viên chủ động sử dụng CNTT nhưng cần được định hướng để sử dụng hiệu quả, tránh lạm dụng và phát triển kỹ năng số cần thiết. Đặc biệt, việc sinh viên lạm dụng công cụ dịch (50% sử dụng rất thường xuyên) là một vấn đề đáng báo động, cần có sự can thiệp sự phạm phù hợp.

Sự cần thiết của hướng dẫn: Cả giảng viên và sinh viên đều cần được đào tạo, tập huấn và hướng dẫn cụ thể về cách lựa chọn, sử dụng hiệu quả các công cụ CNTT phục vụ cho mục tiêu học tập và giảng dạy kỹ năng viết, đặc biệt là viết học thuật và viết khóa luận bằng tiếng Trung.

Việc ứng dụng CNTT không chỉ đơn thuần là sử dụng phần mềm mà cần được tích hợp một cách có hệ thống vào phương pháp giảng dạy, gắn liền với mục tiêu và nội dung của môn học kỹ năng viết và hoạt động hướng dẫn khóa luận. Cần xây dựng một môi trường học tập kết hợp (blended learning) hài hòa giữa tương tác trực tiếp và hoạt động trực tuyến.

4. Đề xuất giải pháp

Từ thực trạng và phân tích trên, chúng tôi đề xuất một số giải pháp đồng bộ nhằm nâng cao hiệu quả ứng dụng CNTT vào việc học kỹ năng viết và hướng dẫn viết khóa luận tốt nghiệp bằng tiếng Trung

4.1. Xây dựng hệ sinh thái ứng dụng CNTT đồng bộ

Để đạt được hiệu quả đào tạo cao nhất, các cơ sở giáo dục cần xây dựng một hệ sinh thái ứng dụng CNTT đồng bộ, lấy người học làm trung tâm, đồng thời kết nối chặt chẽ giữa cơ sở vật chất, chính sách, đội ngũ giảng viên và sinh viên.

Sơ đồ dưới đây mô tả tổng quan hệ sinh thái ứng dụng CNTT trong dạy viết và hướng dẫn khóa luận, với các thành phần chính và mối liên hệ giữa chúng nhằm đạt tới mục tiêu nâng cao năng lực viết và nghiên cứu học thuật.



Sơ đồ 1. Hệ sinh thái ứng dụng CNTT trong dạy viết và hướng dẫn viết khóa luận bằng tiếng Trung

Từ hệ sinh thái trên chúng ta thấy *nhà trường* đóng vai trò là nền tảng, cung cấp hai mục tiêu chính đó là hạ tầng & phần mềm và chính sách & LMS. *Giảng viên* là cầu nối trung tâm, có vai trò xây dựng học liệu số, thiết kế hoạt động tích hợp CNTT, giúp sinh viên nâng cao năng lực cá nhân. Sinh viên được tiếp cận đồng thời từ ba kênh: từ học liệu số thông qua giảng viên, từ các hoạt động tích hợp công nghệ trong quá trình làm bài tập, dự án học tập; từ nền tảng LMS và chính sách hỗ trợ từ trường đại học. Qua đó, sinh viên hình thành và phát triển kỹ năng số, chủ động học tập và hợp tác, tăng cường khả năng tự học, làm việc nhóm trực tuyến, trao đổi học thuật đa kênh.

Mục tiêu của hệ sinh thái đều hướng đến: Nâng cao năng lực viết và nghiên cứu, giúp sinh viên không chỉ thành thạo kỹ năng viết khóa luận tốt nghiệp bằng tiếng Trung mà còn phát triển tư duy nghiên cứu khoa học độc lập, phù hợp với chuẩn mực quốc tế.

Sơ đồ hệ sinh thái ứng dụng CNTT trong dạy viết và hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp tiếng Trung cho thấy một mô hình vận hành có sự phối hợp nhịp nhàng giữa nhiều thành tố: cơ sở đào tạo, giảng viên, sinh viên và công nghệ. Việc xây dựng và triển khai hệ sinh thái này một cách hiệu quả sẽ đóng vai trò then chốt trong việc nâng cao chất lượng đào tạo ngôn ngữ, đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển bền vững trong thời đại số.

4.2. Về phía nhà trường

Đầu tư hạ tầng và phần mềm: Nâng cấp hệ thống mạng internet, phòng máy tính; trang bị các phần mềm có bản quyền hỗ trợ giảng dạy ngoại ngữ, kiểm tra ngữ pháp, kiểm tra đạo văn (ví dụ: Turnitin, các phần mềm chuyên dụng cho tiếng Trung nếu có), phần mềm quản lý tài liệu tham khảo.

Xây dựng và phát triển hệ thống LMS: Hoàn thiện và khuyến khích sử dụng LMS một cách thống nhất trong toàn trường/ khoa, tích hợp các tài nguyên học liệu số, bài tập tương tác, diễn đàn trao đổi.

Xây dựng chính sách khuyến khích: Có chính sách động viên, khuyến khích giảng viên tích cực đổi mới phương pháp, ứng dụng CNTT vào giảng dạy và nghiên cứu.

4.3. Về phía giảng viên

Nâng cao năng lực CNTT và kỹ năng sư phạm số: Tham gia các khóa tập huấn chuyên sâu về lựa chọn và sử dụng hiệu quả các công cụ CNTT trong giảng dạy kỹ năng viết tiếng Trung (bao gồm cả viết thương mại và viết học thuật). Học hỏi các mô hình giảng dạy tích hợp CNTT như lớp học đảo ngược (flipped classroom), học tập dựa trên dự án (project-based learning) có ứng dụng CNTT.

Thiết kế hoạt động học tập tích hợp CNTT:

Về kỹ năng viết: Sử dụng LMS để giao bài tập viết đa dạng (viết email thương mại, báo cáo ngắn, phân tích tình huống), tạo diễn đàn thảo luận về cách dùng từ, cấu trúc câu; sử dụng Google Docs cho hoạt động viết hợp tác và phản hồi ngang hàng; hướng dẫn sử dụng công cụ kiểm tra ngữ pháp một cách hiệu quả (như công cụ hỗ trợ, không phải thay thế tư duy); giới thiệu các nguồn tài liệu tiếng Trung thương mại trực tuyến uy tín.

Về hướng dẫn khoá luận tốt nghiệp: Hướng dẫn cụ thể cách sử dụng cơ sở dữ liệu học thuật (CNKI, Wanfang); kỹ năng tìm kiếm, đánh giá và quản lý tài liệu tham khảo bằng Zotero/Mendeley; quy trình sử dụng phần mềm kiểm tra đạo văn; cách sử dụng tính năng Track changes/Comment để trao đổi, phản hồi hiệu quả trên bản thảo; tổ chức các buổi seminar trực tuyến để giải đáp thắc mắc chung.

Xây dựng nguồn học liệu số: Phát triển các bài giảng điện tử, video hướng dẫn, bài tập trực tuyến, ngân hàng văn bản mẫu tiếng Trung thương mại và học thuật.

4.4. Về phía sinh viên

Nâng cao nhận thức và kỹ năng số: Tổ chức các buổi workshop hướng dẫn sinh viên kỹ năng tìm kiếm thông tin hiệu quả, đánh giá nguồn tin, sử dụng các công cụ hỗ trợ viết và nghiên cứu một cách có trách nhiệm, tránh lạm dụng công cụ dịch và đạo văn.

Khuyến khích thái độ chủ động và hợp tác: Tạo động lực để sinh viên tích cực tham gia các hoạt động học tập trực tuyến, sử dụng các công cụ CNTT để tự học, tự rèn luyện kỹ năng viết và hợp tác với bạn bè.

5. Kết luận

Ứng dụng CNTT trong giảng dạy kỹ năng viết và hướng dẫn viết khoá luận bằng tiếng Trung cho sinh viên chuyên ngành tiếng Trung thương mại Trường Đại học Thương mại là một xu thế tất yếu và mang lại nhiều lợi ích tiềm năng. CNTT không chỉ là công cụ hỗ trợ mà còn có thể thay đổi căn bản phương pháp dạy và học, tạo ra môi trường học tập linh hoạt, tương tác và hiệu quả hơn, giúp sinh viên phát triển toàn diện các kỹ năng cần thiết cho học tập và công việc tương lai.

Tuy nhiên, kết quả khảo sát cho thấy việc ứng dụng CNTT trong lĩnh vực này tại các trường đại học ở Việt Nam vẫn còn ở giai đoạn đầu, đối mặt với nhiều thách thức về hạ tầng, kỹ năng của giảng viên và sinh viên, cũng như sự thiếu đồng bộ trong triển khai. Để khai thác hiệu quả tiềm năng của CNTT, cần có những giải pháp đồng bộ từ phía nhà trường, giảng viên và sinh viên. Việc đầu tư vào hạ tầng, phần mềm, tập huấn nâng cao năng lực cho giảng viên, thiết kế các hoạt động học tập tích hợp CNTT một cách khoa học và hướng dẫn sinh viên sử dụng công cụ một cách hiệu quả, có trách nhiệm là những yếu tố then chốt.

Bài viết đã hệ thống hóa cơ sở lý luận, phân tích thực trạng dựa trên số liệu khảo sát cụ thể và đề xuất các giải pháp khả thi. Chúng tôi tin rằng, việc triển khai hiệu quả các giải pháp này sẽ góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo kỹ năng viết và năng lực nghiên cứu khoa học bằng tiếng Trung cho sinh viên chuyên ngành tiếng Trung thương mại, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của xã hội và thị trường lao động trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Các nghiên cứu tiếp theo có thể đi sâu vào đánh giá hiệu quả của từng công cụ CNTT cụ thể hoặc xây dựng và thử nghiệm các mô hình dạy học kết hợp chi tiết hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Baker, R. S. (2018), *Artificial Intelligence in Education: From research to practice*. Springer.
2. Chen, P. (2014), *Business Chinese writing: The integration of language and culture*. Beijing Language and Culture University Press.
3. Chung, T., & Li, H. (2017), *The role of Chinese language proficiency in the global workforce*. International Journal of Educational Development, 53, 32-40. <https://doi.org/10.1016/j.ijedudev.2017.02.007>.

4. Higgins, J., McDonald, S., & Wood, M. (2002), *Using technology in the writing classroom: The process approach*. *Writing Across the Curriculum*, 5(3), 12-25.
5. Hyland, K. (2007), *Genre and second language writing*. University of Michigan Press.
6. Raimes, A. (1983), *Techniques in teaching writing*. Oxford University Press.
7. Swales, J. (1990), *Genre analysis: English in academic and research settings*. Cambridge University Press.
8. Zhang, J. (2015), *The challenges of teaching business Chinese in higher education*. *Journal of Chinese Language Teaching*, 35(2), 87-98.

**Application of information technology in teaching writing skills
and guiding thesis writing in Chinese for students at Thuong mai University**

Abstract: The article focuses on analyzing the current situation and proposing solutions for applying information technology (IT) to enhance the effectiveness of teaching writing skills and guiding the writing of graduation theses in Chinese for students majoring in Business Chinese at Thuong mai University. Based on theoretical foundations regarding the role of IT in foreign language education and the specific characteristics of academic and business writing skills, the article surveys the current use of IT among lecturers and students, identifying both advantages and challenges in the process. The survey results indicate that the application of IT remains inconsistent and has yet to fully realize its potential. Accordingly, the article proposes specific solutions in terms of infrastructure, lecturer training, development of digital learning materials, and the construction of an appropriate IT application model. These measures aim to improve the quality of teaching writing skills and guiding undergraduate graduation theses in Chinese for Business Chinese majors at Thuong mai University, while also contributing to the enhancement of Chinese-language human resource training to meet the demands of integration.

Key words: Information technology; Chinese writing skills; graduation thesis; business Chinese; foreign language teaching.